

Số:32/2024/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 31 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi; mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả tiền hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều 109 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả tiền hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (sau đây viết tắt là Nghị định số 88/2024/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có đất thu hồi bao gồm:

a) Người thuộc hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai (sau đây viết tắt là người có đất nông nghiệp thu hồi);

b) Người thuộc hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 (*sau đây viết tắt là người có đất kinh doanh thu hồi*).

2. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại **khoản 4 Điều 20** Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

3. Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Hỗ trợ đào tạo nghề

1. Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

a) Mức hỗ trợ tối đa bằng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng. Định mức hỗ trợ chi phí đào tạo cho từng nghề cụ thể áp dụng theo danh mục ngành, nghề đào tạo (*nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp*) đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt mức chi phí đào tạo đang còn hiệu lực tại thời điểm phê duyệt phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

b) Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

2. Người có đất thu hồi được hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi (*sau đây viết tắt là Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg*).

3. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trung cấp, cao đẳng được vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg.

Điều 4. Hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước

1. Tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp.

2. Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Tháp.

Điều 5. Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng giáo dục định hướng, đào tạo nghề, chi phí khám sức khỏe theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người tham gia Chương trình học và thực hành tại doanh nghiệp ở nước ngoài do Ủy ban nhân dân Tỉnh ký kết, hợp tác đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Hỗ trợ tiền ăn, đi lại theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (*sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC*).

3. Hỗ trợ lệ phí làm hộ chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam và Điều 5 Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

4. Hỗ trợ lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

5. Hỗ trợ lệ phí làm thị thực (*visa*) theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

6. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

7. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài chỉ được hỗ trợ một lần theo quy định tại Điều này.

Điều 6. Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Người có đất thu hồi được hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg.

Điều 7. Hỗ trợ trợ cấp ngừng việc

Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc, cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019.
2. Thời gian hưởng trợ cấp tối đa không quá 06 tháng.
3. Định kỳ chi trả tiền hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 94 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
 - a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, triển khai thực hiện quy định tại Quyết định này.
 - b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quyết định này. Định kỳ ngày 20 tháng 12 hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh về tình hình đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động theo quy định.
2. Sở Tài chính: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Tỉnh: Tổ chức việc cho vay đối với người có đất thu hồi theo quy định tại Quyết định này.
4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, hỗ trợ trợ cấp ngừng việc và tìm kiếm việc làm cho người lao động có đất thu hồi. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương, đơn vị thực hiện chi trả, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định này đúng quy định hiện hành.
5. Các nội dung còn lại có liên quan thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg.

6. Trong quá trình thực hiện, các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2024.

Điều 10. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Lãnh đạo UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Tỉnh;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, VX (Tuyen).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn